

**PHÁP LUẬT VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN
TRONG QUẢN LÝ VÀ VẬN HÀNH CÁC THỦY ĐIỆN VỪA VÀ NHỎ**

UNG THỊ THÙY TRÂM*

HOÀNG THỊ LUYẾN**

NGUYỄN HẢI MINH TÂM***

PHẠM TRẦN NHẬT MINH****

Ngày nhận bài: 15/5/2026

Ngày phản biện: 03/6/2026

Ngày đăng bài: 25/8/2026

Tóm tắt:

Bài viết nghiên cứu pháp luật về trách nhiệm của chủ đầu tư dự án trong quản lý và vận hành các công trình thủy điện vừa và nhỏ tại Việt Nam. Trên cơ sở phân tích các quy định pháp luật hiện hành, bài viết làm rõ trách nhiệm của chủ đầu tư trong các lĩnh vực như vận hành hồ chứa, bảo đảm an toàn công trình, quan trắc và cảnh báo, thực hiện nghĩa vụ môi trường và chế độ báo cáo, kiểm tra. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các định hướng hoàn thiện pháp luật theo hướng tăng cường tính ràng buộc, nâng cao hiệu quả kiểm soát và đảm bảo thực thi, qua đó góp phần nâng cao an toàn công trình, bảo vệ môi trường và hiệu quả quản lý nhà nước đối với thủy điện vừa và nhỏ.

Từ khóa:

Trách nhiệm, chủ đầu tư, quản lý và vận hành, thủy điện.

Abstract:

This article examines the legal responsibilities of project investors in the management and operation of small and medium-sized hydropower plants in Vietnam. Based on an analysis of the current legal framework, the study clarifies the responsibilities of investors in key areas, including reservoir operation, dam and hydropower infrastructure safety assurance, monitoring and early-warning systems, environmental obligations, and reporting and inspection requirements. On that basis, the study proposes directions for improving the legal framework by strengthening legal enforceability, enhancing monitoring and control effectiveness, and ensuring compliance in practice. These recommendations aim to improve infrastructure safety, environmental protection, and the effectiveness of state management over small and medium-sized hydropower projects.

Keywords:

Responsibility, project investor, management and operation, hydropower.

* SV lớp Luật Kinh tế K47L, Trường Đại học Luật, Đại học Huế; Email: Ungtram98@gmail.com

** SV lớp Luật Kinh tế K47L, Trường Đại học Luật, Đại học Huế; Email: hoangluyen04082005@gmail.com

*** SV lớp Luật Kinh tế K47L, Trường Đại học Luật, Đại học Huế; Email: minhpham.15102005@gmail.com

**** SV lớp Luật Kinh tế K47L, Trường Đại học Luật, Đại học Huế; Email: nguyenhaiminhnam0410@gmail.com

1. Đặt vấn đề

Trong phương châm đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia và hướng tới mục tiêu phát triển một nền kinh tế xanh, thủy điện vừa và nhỏ đã trở thành một “mảnh ghép” không thể thiếu trong hệ thống điện Việt Nam. Tình hình thực tế những năm qua cho thấy, hệ thống thủy điện vừa và nhỏ không chỉ góp phần giải quyết nhu cầu khi điện năng tăng cao mà còn thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội¹, tạo ra nguồn thu cho ngân sách nhà nước và cải thiện cơ sở hạ tầng cho các khu vực vùng sâu, vùng xa. Tuy nhiên, quá trình phát triển các dự án thủy điện tại miền Trung đã bộc lộ những hạn chế nhất định. Nhiều dự án đã tác động đến tài nguyên rừng, làm thay đổi chế độ dòng chảy, ảnh hưởng đến môi trường sinh thái và làm gia tăng nguy cơ xảy ra các hiện tượng thiên tai như lũ quét, sạt lở đất². Thực trạng này đặt ra yêu cầu phải nâng cao trách nhiệm của chủ đầu tư trong quá trình xây dựng, quản lý và vận hành công trình thủy điện nhằm bảo đảm hài hòa giữa mục tiêu phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và an toàn cộng đồng.

Mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến phát triển thủy điện, bảo vệ môi trường hoặc quản lý tài nguyên nước, song các nghiên cứu chuyên sâu về trách nhiệm pháp lý của chủ đầu tư thủy điện vừa và nhỏ dưới góc độ pháp luật hiện hành vẫn còn tương đối hạn chế. Trong bối cảnh Việt Nam đang đối mặt với nhu cầu năng lượng ngày càng tăng, thủy điện đã trở thành nguồn năng lượng quan trọng, thu hút nhiều nhà đầu tư nhờ các chính sách ưu đãi. Tuy nhiên, sự gia tăng nhanh chóng của các dự án này cũng kéo theo nhiều thách thức, đặc biệt là về quản lý và pháp lý. Các quy định hiện hành về bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên nước chưa đủ rõ ràng để xác định trách nhiệm cụ thể của chủ đầu tư, dẫn đến nguy cơ ô nhiễm và tác động tiêu cực đến đời sống cộng đồng địa phương. Nghiên cứu hiện tại chủ yếu tập trung vào phát triển thủy điện và bảo vệ môi trường, trong khi vấn đề trách nhiệm pháp lý lại chưa được phân tích sâu. Do đó, cần có các nghiên cứu chuyên sâu để xác định rõ ràng trách nhiệm của các chủ đầu tư, từ đó xây dựng khung pháp lý hiệu quả hơn. Đặc biệt, trong bối cảnh hệ thống pháp luật có nhiều thay đổi với sự ban hành của Luật Điện lực năm 2024 và các văn bản pháp luật có liên quan, việc đánh giá tính đầy đủ, thống nhất và hiệu quả thực thi các quy định về trách nhiệm của chủ đầu tư thủy điện vừa và nhỏ là vấn đề cần tiếp tục được nghiên cứu làm rõ.

Bài viết này tập trung nghiên cứu, phân tích các quy định pháp luật Việt Nam về trách nhiệm của chủ đầu tư trong quản lý và vận hành công trình thủy điện vừa và nhỏ. Thông qua việc làm rõ các nghĩa vụ pháp lý liên quan đến vận hành hồ chứa, bảo đảm an toàn công trình, thực hiện quan trắc và cảnh báo, nghĩa vụ bảo vệ môi trường và cơ chế báo cáo, kiểm tra, bài

¹ Thy Thảo (2026), *Nhu cầu sử dụng điện tăng vọt, hệ thống điện xác lập kỷ lục vận hành mới*, Tạp chí Công Thương, truy cập tại <https://tapchicongthuong.vn/nu-cau-su-dung-tang-vot--he-thong-dien-xac-lap-ky-luc-van-hanh-moi-528696.htm>, truy cập ngày 28/6/2026.

² Đỗ Văn Chính (2021), *Tác động đến môi trường và xã hội của các dự án thủy điện ở Việt Nam*, Tạp chí Khoa học và Công nghệ thủy lợi, truy cập tại <https://vawr.org.vn/Upload/BaibaoKH/do-van-chinh-65-2021.pdf>, truy cập ngày 28/6/2026.

viết chỉ ra những bất cập còn tồn tại trong thực tiễn thi hành pháp luật. Trên cơ sở đó, nhóm tác giả đề xuất các định hướng hoàn thiện pháp luật nhằm tăng cường tính ràng buộc trách nhiệm, nâng cao hiệu quả giám sát và bảo đảm thực thi, qua đó góp phần bảo đảm an toàn công trình, bảo vệ môi trường và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với thủy điện vừa và nhỏ.

2. Thực trạng pháp luật về trách nhiệm của chủ đầu tư dự án trong quản lý, vận hành thủy điện vừa và nhỏ

Pháp luật về trách nhiệm của chủ đầu tư trong quản lý, vận hành các công trình thủy điện vừa và nhỏ là hệ thống các quy định nhằm xác định rõ nghĩa vụ của chủ đầu tư trong quá trình khai thác, vận hành nhưng vẫn phải bảo đảm hài hòa giữa mục tiêu phát điện, an toàn công trình và bảo vệ lợi ích của cộng đồng. Đây là yếu tố tiên quyết, đóng vai trò là cơ sở pháp lý cho hành vi của chủ đầu tư trong quản lý, vận hành các thủy điện vừa và nhỏ. Nội dung của pháp luật trong lĩnh vực này được hình thành trên cơ sở các quy định của pháp luật về tài nguyên nước; Luật Điện lực; Luật Phòng, chống thiên tai; Luật Bảo vệ môi trường; trong đó Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực giữ vai trò quan trọng trong việc cụ thể hóa trách nhiệm của các chủ thể liên quan. Các nội dung trách nhiệm này được thể hiện thông qua nhiều phương diện khác nhau, có sự liên kết chặt chẽ và bổ trợ lẫn nhau trong quá trình thực hiện.

2.1. Quy định về trách nhiệm vận hành hồ chứa

Trách nhiệm của chủ đầu tư quản lý vận hành hồ chứa thủy điện được quy định cụ thể tại Điều 38 Luật Tài nguyên nước năm 2023; Khoản 3 Điều 12 Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013 được hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 85/VBHN-VPQH năm 2026. Trên cơ sở đó, Chính phủ và các bộ ngành đã ban hành các nghị định hướng dẫn, thông tư về quy chuẩn kỹ thuật cùng quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa cụ thể như quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước, Điều 32 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực, Thông tư số 59/2025/TT-BCT ngày 02/12/2025 Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình thủy điện... Sự phối hợp bởi các ngành luật kết hợp cùng hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành chuyên sâu không chỉ tạo ra một hành lang pháp lý toàn diện mà còn đánh dấu sự thay đổi tư duy mạnh mẽ từ việc tối ưu hóa lợi ích kinh tế sang ưu tiên cho mục tiêu phát triển bền vững và an toàn hạ du. Tuy nhiên, đi sâu vào thực tiễn áp dụng, hành lang pháp lý này vẫn bộc lộ những hạn chế và bất cập không nhỏ, tạo ra rào cản lớn cho công tác quản lý.

Trước hết, sự điều chỉnh của quá nhiều luật chuyên ngành dẫn đến tình trạng chồng chéo và phân tán thẩm quyền, gây áp lực lớn cho các chủ đầu tư. Do phải đồng thời tuân thủ các quy định của Luật Tài nguyên nước, Luật Điện lực và Luật Phòng chống thiên tai theo

quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực nên chủ đầu tư liên tục rơi vào thế kẹt giữa các mục tiêu xung đột: vừa phải tối ưu hóa sản lượng điện theo yêu cầu kinh tế vừa phải tích nước chống hạn theo quy định tại Điều 36 Luật Tài nguyên nước năm 2023, lại vừa phải xả lũ bảo vệ hạ du theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước. Nguy hiểm hơn, khi xảy ra thiên tai cực đoan sự bất cập trong phân định thẩm quyền giữa lệnh chỉ huy của địa phương và quy trình kỹ thuật của Trung ương dễ gây ra tâm lý né tránh trách nhiệm. Hậu quả là chủ đầu tư đối mặt với rủi ro pháp lý cao, thậm chí bị động trong ứng phó khẩn cấp làm tăng nguy cơ xảy ra sự cố xả lũ gây thiệt hại lớn cho vùng hạ du. Điển hình vào cuối năm 2025, Công ty thủy điện Đồng Nai 5 xả tràn khẩn cấp khiến mực nước sông dâng lên dồn dập, gây thiệt hại hàng chục tỷ đồng tại xã Đắc Lua. Chính quyền địa phương phản ứng gay gắt vì không có thông báo chính thức để chủ động điều hành sơ tán người dân. Phía thủy điện lại cho rằng họ buộc phải xả theo quy trình kỹ thuật an toàn hồ chứa khẩn cấp của Bộ quản lý chuyên ngành khi mực nước chạm ngưỡng nguy hiểm, vượt tầm xử lý phối hợp với một đơn vị cấp xã. Sự cố này bộc lộ khoảng trống lớn, khi chủ đập ưu tiên quyền tự quyết để cứu an toàn công trình mà bỏ qua thẩm quyền điều phối dân sinh của địa phương và thiệt hại cuối cùng thì người dân phải chịu³.

Bên cạnh đó, các quy trình vận hành liên hồ chứa hiện nay vẫn thiếu sự linh hoạt trước bối cảnh biến đổi khí hậu. Mặc dù Điều 38 Luật Tài nguyên nước năm 2023 và Điều 51 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước bắt buộc các hồ chứa phải tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành đã được phê duyệt, nhưng chính sự chặt chẽ này lại bộc lộ tính cứng nhắc trước diễn biến thời tiết cực đoan. Quy trình pháp lý để sửa đổi, bổ sung kịch bản xả lũ hiện nay đòi hỏi nhiều bước lập hồ sơ, thẩm định và phê duyệt hành chính kéo dài, không thể đáp ứng kịp thời các tình huống khẩn cấp trong thời gian thực. Việc thiếu các điều khoản "ủy quyền đặc biệt"⁴ hoặc kích hoạt tình huống khẩn cấp trong luật đã tước đi quyền chủ động của chủ đầu tư thủy điện trong việc linh hoạt hạ thấp mực nước đón lũ trước khi thiên tai vượt mốc lịch sử ập đến, biến quy trình vận hành từ công cụ bảo vệ thành rào cản hành chính gây thụ động cho hạ du.

2.2. Quy định về trách nhiệm đảm bảo an toàn công trình thủy điện

Trách nhiệm đảm bảo an toàn công trình thủy điện. Theo quy định tại Điều 75 Luật Điện lực năm 2024, chủ đầu tư và đơn vị quản lý vận hành công trình thủy điện chịu trách nhiệm đối với an toàn công trình thủy điện do mình sở hữu và đầu tư, áp dụng đồng bộ các

³ Ngân Nga, Hoàng Giáp (2025), *Vụ thủy điện Đồng Nai 5 xả tràn gây thiệt hại: Ai phải chịu trách nhiệm?*, Báo Thanh Niên, đăng ngày 2/12/2025, truy cập tại <https://thanhnien.vn/vu-thuy-dien-dong-nai-5-xa-tran-gay-thiet-hai-trach-nhiem-thuoc-ve-ai-185251130230245575.htm>, truy cập ngày 28/6/2026.

⁴ Ủy quyền đặc biệt là cơ chế pháp lý cho phép cơ quan quản lý Nhà nước tạm đình chỉ quy trình vận hành thông thường, trực tiếp ra lệnh hoặc ủy quyền cho các cá nhân/cơ quan ra lệnh điều tiết hồ chứa nhằm ưu tiên chống lũ khẩn cấp, bảo vệ tính mạng người dân và an toàn đập.

giải pháp hạ tầng kỹ thuật tiên tiến⁵ để nâng cao hiệu quả khai thác và góp phần bảo đảm an toàn cho vùng hạ du đập. Trường hợp xảy ra sự cố, các đơn vị này có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chức năng triển khai phương án ứng phó, biện pháp khắc phục và chịu trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật. Quy định này đóng vai trò quan trọng, thay đổi mạnh mẽ, cụ thể: Khác với Luật Điện lực năm 2004 sửa đổi 2012, 2018 chỉ quy định chung chung về việc chủ đập phối hợp phòng chống lụt bão và báo cáo định kỳ khi có sự cố, Luật Điện lực năm 2024 bắt buộc các chủ hồ phải ứng dụng công nghệ giám sát liên tục để ngăn ngừa rủi ro từ sớm, đồng thời ràng buộc trách nhiệm giải trình minh bạch trước cộng đồng hạ du thay vì chỉ ưu tiên an toàn nội bộ công trình như trước đây. Nguyên tắc quản lý an toàn này nhấn mạnh sự phối hợp chặt chẽ giữa giám sát kỹ thuật thời gian thực⁶, trách nhiệm giải trình minh bạch trước cộng đồng hạ du và đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản người dân được xem là nhiệm vụ trọng tâm. Quy định này thể hiện sự chuyển dịch từ cách tiếp cận chú trọng bảo vệ công trình sang cách tiếp cận kết hợp giữa an toàn công trình và bảo vệ cộng đồng chịu tác động. Mặc dù quy định tại Điều 75 Luật Điện lực đã có bước tiến lớn khi chuyển dịch trọng tâm từ bảo vệ an toàn nội bộ công trình sang chủ động bảo vệ tính mạng, tài sản của cộng đồng hạ du, nhưng hệ thống quy định hiện hành vẫn bộc lộ một số hạn chế cốt lõi.

Trước hết, rủi ro mất an toàn đập, hồ chứa thủy điện từ việc quy định trách nhiệm pháp lý vượt quá năng lực chủ thể. Quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 11 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước hiện nay đang đánh đồng năng lực quản lý an toàn đập của mọi chủ thể khi giao toàn bộ trách nhiệm vận hành cho tổ chức, cá nhân khai thác công trình. Điều này tạo ra một lỗ hổng lớn đối với các dự án thủy điện vừa và nhỏ do doanh nghiệp tư nhân quản lý, nơi đội ngũ kỹ thuật thường thiếu hụt cả về số lượng lẫn chuyên môn sâu để xử lý các tình huống khẩn cấp. Do pháp luật chưa có cơ chế hỗ trợ kỹ thuật bắt buộc hay điều khoản loại trừ đặc biệt cho nhóm đối tượng này dẫn đến thực trạng nhiều hồ chứa nhỏ vận hành trong tình trạng thiếu hồ sơ thiết kế gốc, không có số liệu kiểm định tuổi thọ đập hay số liệu bùn cát bồi lắng lòng hồ, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn rất cao khi có thiên tai xảy ra.

Bên cạnh đó, khoảng trống pháp lý trong điều phối liên tỉnh và xác định trách nhiệm thiệt hại. Mặc dù Điều 15 và Điều 27 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước hiện đã quy định rõ trách nhiệm cảnh báo và lập bản đồ ngập lụt của từng chủ đập, hệ thống luật vẫn hoàn toàn bỏ ngỏ giải pháp cho các lưu vực sông có nhiều bậc thang thủy điện chằng chịt thuộc các địa giới hành chính khác nhau. Pháp luật hiện hành thiếu quy định về một "Bản đồ ngập lụt hợp nhất toàn lưu vực" và chưa thiết lập được một cơ quan điều phối liên tỉnh để ra lệnh cắt lũ đồng bộ.

⁵ Giải pháp hạ tầng kỹ thuật tiên tiến là việc áp dụng các công nghệ hiện đại, kỹ thuật số và các phương pháp đổi mới sáng tạo để thiết kế, xây dựng, vận hành và quản lý các cơ sở hạ tầng cơ bản.

⁶ Giám sát kỹ thuật và thời gian thực là quá trình liên tục thu thập, phân tích và hiển thị dữ liệu hoạt động của hệ thống/thiết bị ngay khi sự cố xảy ra. Hệ thống này giúp phát hiện lỗi, theo dõi hiệu suất và đưa ra cảnh báo tức thì giúp tối ưu hoá hoạt động sản xuất, an ninh.

Khoảng trống này không chỉ gây xung đột lợi ích giữa các địa phương giáp ranh khi xả lũ, mà còn làm nảy sinh bất cập lớn trong việc phân định định lượng tỷ lệ thiệt hại ở hạ du là do mưa lũ tự nhiên hay do hiện tượng lũy tiến cộng hưởng từ nhiều hồ thủy điện, khiến quá trình đền bù thiệt hại cho người dân luôn rơi vào bế tắc.

Cuối cùng, chế tài xử phạt hành chính chưa đủ sức răn đe kinh tế đối với chủ đầu tư. Hạn chế cuối cùng nằm ở sự không tương đồng của hành vi vi phạm an toàn hồ chứa với khung hình phạt được quy định tại Khoản 5 Điều 29 Nghị định số 290/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước. Việc chỉ áp dụng mức phạt tiền tối đa từ 80.000.000 đồng đến 160.000.000 đồng cho các hành vi như không duy trì dòng chảy tối thiểu là quá thấp so với tiềm lực tài chính của các doanh nghiệp năng lượng. Khi đặt lên bàn cân kinh tế, số tiền phạt này nhỏ hơn rất nhiều so với chi phí hàng tỷ đồng để đầu tư, bảo dưỡng hệ thống quan trắc tự động, hoặc nguồn doanh thu khổng lồ có được từ việc tích nước trái phép để phát điện. Hệ quả là điều luật này vô tình làm giảm tính răn đe, khiến nhiều đơn vị vận hành sẵn sàng lựa chọn nộp phạt thay vì nghiêm túc tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn công trình.

2.3. Quy định về trách nhiệm quan trắc và cảnh báo

Thiết chế pháp lý về trách nhiệm quan trắc và cảnh báo đối với chủ đầu tư thủy điện vừa và nhỏ được định hình rõ nét thông qua hệ thống quy phạm của Luật Khí tượng Thủy văn năm 2026 cụ thể tại khoản 3 Điều 13, Điều 40 và Điều 21 Luật Khí tượng Thủy văn năm 2015, số 90/2015/QH13 được hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 88/VBHN-VPQH, Luật Thủy lợi năm 2017 cụ thể tại Điểm c Khoản 1 Điều 18 Luật Thủy lợi năm 2017. Theo đó, pháp luật buộc chủ đầu tư phải tổ chức hệ thống quan trắc các yếu tố khí tượng thủy văn mực nước, lượng mưa... tại vị trí công trình và truyền dữ liệu theo thời gian thực về các cơ quan quản lý nhà nước theo đúng tinh thần tại Điều 77 Luật Điện lực năm 2024. Đồng thời, chủ đầu tư phải thiết lập hệ thống cảnh báo sớm cho vùng hạ du trước khi tiến hành xả lũ hoặc khi xảy ra các tình huống khẩn cấp, mất an toàn đập.

Hành lang pháp lý đã có sự dịch chuyển mạnh mẽ từ phương thức báo cáo hành chính truyền thống bằng văn bản giấy sang cơ chế cập nhật dữ liệu tự động, liên tục thông qua giải pháp “số hóa”. Việc chuẩn hóa các thông số kỹ thuật cùng với mốc thời gian báo cáo bắt buộc trước khi vận hành cửa xả đã tạo dựng cơ sở dữ liệu nền tảng theo thời gian thực. Thiết chế này cho phép các cơ quan hành chính địa phương chủ động phối hợp, giám sát chặt chẽ và ra quyết định ứng phó thiên tai kịp thời, chính xác.

Mặc dù hành lang pháp lý hiện hành đã tạo ra những bước tiến mang tính nền tảng trong việc thúc đẩy ứng dụng công nghệ và chuẩn hóa quy trình giám sát, song giữa các quy định mang tính nguyên tắc trên văn bản và thực tiễn thực thi vẫn tồn tại một khoảng cách lớn. Những điểm khuyết thiếu trong kỹ thuật lập pháp đã và đang làm giảm đi đáng kể hiệu lực thực tế của nhóm quy phạm này, biểu hiện cụ thể qua ba khoảng trống pháp lý cốt lõi sau đây:

Thứ nhất, thiếu cơ chế kết nối và báo cáo thông tin khẩn cấp theo thời gian thực. Pháp luật hiện hành chưa có quy định bắt buộc chủ hồ phải thiết lập hệ thống kết nối mạng thông tin trực tiếp và báo cáo ngay lập tức cho chính quyền địa phương tại thời điểm bắt đầu vận hành cửa xả lũ, dẫn đến độ trễ lớn trong công tác chỉ đạo ứng phó.

Thứ hai, bỏ sót nghĩa vụ tài chính dài hạn trong việc duy trì hạ tầng cảnh báo. Hiện nay, chưa có điều khoản quy phạm nào ràng buộc trách nhiệm của chủ đầu tư trong việc trích lập chi phí định kỳ để sửa chữa, bảo dưỡng và bảo đảm hệ thống loa máy, còi hú vùng hạ du luôn hoạt động tốt sau nhiều năm khai thác.

Thứ ba, thiếu quy định định lượng kỹ thuật và cơ chế diễn tập an toàn cộng đồng. Pháp luật bắt buộc lắp đặt hệ thống cảnh báo nhưng lại chưa chuẩn hóa cụ thể về mật độ, bán kính và tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu của thiết bị. Đặc biệt, việc bỏ ngỏ quy định bắt buộc tổ chức diễn tập, tập trận nghe tiếng còi định kỳ cho cư dân đã dẫn đến hệ quả nghiêm trọng khi xảy ra sự cố thực tế, người dân hạ du hoàn toàn mất phương hướng, làm mất đi ý nghĩa thực tế của hệ thống cảnh báo sớm.

Tóm lại, mặc dù thiết chế pháp lý về quan trắc và cảnh báo đã có những bước tiến trong việc chuẩn hóa quy trình bằng công nghệ số, song hiệu lực thực tế của nhóm quy phạm này vẫn bị giới hạn đáng kể bởi các lỗ hổng trong kỹ thuật lập pháp. Việc chỉ áp đặt nghĩa vụ mang tính nguyên tắc một chiều mà thiếu đi các quy định định lượng cụ thể về mật độ, bán kính và tiêu chuẩn kỹ thuật của thiết bị cảnh báo đã khiến việc thực thi của chủ đầu tư dễ rơi vào trạng thái mang tính đối phó. Việc lấp đầy khoảng trống pháp lý này bằng các tiêu chí kỹ thuật cụ thể là yêu cầu cấp thiết để bảo đảm quyền được tiếp cận thông tin khẩn cấp và an toàn tuyệt đối cho cộng đồng dân cư vùng hạ du.

2.4. Quy định về trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ môi trường

Trách nhiệm bảo vệ môi trường của chủ đầu tư thủy điện vừa và nhỏ được điều chỉnh đan xen bởi Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Luật Tài nguyên nước năm 2023 và Quyết định số 188/QĐ-BTNMT. Các nghĩa vụ cốt lõi gồm: lập và thực hiện nghiêm túc Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) theo quy định tại Điều 30 và Điều 31 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập nhằm bảo vệ hệ sinh thái thủy sinh và phục vụ nhu cầu dân sinh hạ du theo quy định tại Quyết định số 188/QĐ-BTNMT, thực hiện nghĩa vụ tài chính thông qua nộp phí dịch vụ môi trường rừng, thuế tài nguyên nước và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc dự án.

Pháp luật môi trường hiện đại đã chuyển từ tư duy giải quyết các hậu quả khi xảy ra vi phạm sang kiểm soát rủi ro một cách chủ động. Việc luật quy định về việc duy trì dòng chảy tối thiểu⁷ và dịch vụ môi trường rừng đã ràng buộc trực tiếp lợi ích kinh tế của chủ đầu tư với

⁷ Cục Quản lý tài nguyên nước (2025), “*Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố giá trị dòng chảy tối thiểu ở hạ lưu các đập, hồ chứa, của các công trình thủy lợi, thủy điện*”, truy cập tại <https://dwrn.mae.gov.vn/Pages/chi-tiet-tin-tuc.aspx?ItemID=15129>, truy cập ngày 28/6/2026.

trách nhiệm hoàn trả, tái tạo tài nguyên thiên nhiên, tạo cơ sở pháp lý để bảo vệ tính bền vững của các lưu vực sông. Từ đó, nghĩa vụ duy trì dòng chảy tối thiểu và quan trắc vận hành cũng được chú trọng hơn.

Tuy nhiên, những chuyển biến tích cực trong phương pháp tiếp cận của luật nêu trên vẫn chưa đủ để giải quyết các rào cản của hệ thống quy phạm pháp luật môi trường hiện hành. Khi đối chiếu các nguyên tắc với các công cụ kiểm soát thực tế, hành lang pháp lý đối với trách nhiệm môi trường của chủ đầu tư thủy điện vừa và nhỏ vẫn bộc lộ những khoảng trống lớn, khiến cho việc hiện thực hóa mục tiêu phát triển bền vững gặp nhiều lực cản bởi các hạn chế điển hình sau:

Thứ nhất, lỗ hổng trong quy định và giám sát dòng chảy tối thiểu. Mặc dù Luật Tài nguyên nước năm 2023 đã quy định về trường hợp phải xác định dòng chảy tối thiểu tại Điều 24 Luật Tài nguyên nước năm 2023 nhưng phương pháp xác định dòng chảy tối thiểu đối với các thủy điện vừa và nhỏ đặc biệt là thủy điện chuyển dòng hay còn được gọi là thủy điện lòng chảo⁸, có đoạn sông "chết"⁹ dài giữa đập và nhà máy vẫn còn mang tính cào bằng¹⁰, chưa tính toán sát với đặc thù dòng chảy mùa kiệt tại miền Trung.

Thứ hai, thiếu cơ chế liên kết trách nhiệm bồi thường thiệt hại sinh thái. Quy định về bồi thường thiệt hại môi trường do vận hành thủy điện gây ra hiện nay chưa có sự phân hóa rõ ràng giữa trách nhiệm dân sự thông thường và trách nhiệm sinh thái đặc thù. Khi một diện tích rừng phòng hộ bị suy thoái hoặc nguồn nước ngầm vùng hạ du bị cạn kiệt do thủy điện tích nước, việc xác định mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vận hành của chủ đầu tư và thiệt hại thực tế là gặp trở ngại rất lớn về mặt kỹ thuật và pháp lý. Pháp luật chưa có quy định cụ thể về trách nhiệm chứng minh thuộc về ai, dẫn đến việc doanh nghiệp dễ dàng né tránh nghĩa vụ bồi thường, đẩy gánh nặng khắc phục môi trường cho ngân sách nhà nước và người dân địa phương.

Nhìn một cách tổng thể, mặc dù các nguyên tắc về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững đã được luật hóa, nhưng các công cụ pháp lý để ràng buộc trách nhiệm thực tế của chủ đầu tư thủy điện vừa và nhỏ vẫn bộc lộ sự bất cập lớn. Việc thiếu các tiêu chí định lượng sát thực tế đối với dòng chảy tối thiểu và sự mờ nhạt trong cơ chế xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại sinh thái đang biến các quy định môi trường thành những rào cản mang tính hình thức. Việc hoàn thiện hành lang pháp lý này không chỉ bảo vệ tài nguyên thiên nhiên hạ du, mà còn là yếu tố quyết định để hiện thực hóa trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp trước cộng đồng.

⁸ Thủy điện lòng chảo thường dùng để mô tả các nhà máy thủy điện được xây dựng tại khu vực có địa hình thung lũng lòng chảo - nơi vùng đất trung thấp được bao bọc bởi các dãy núi, đồi.

⁹ Là hiện tượng lòng sông bị khô cạn, tro trôi sỏi đá do nước bị chuyển dòng vào hệ thống hầm/đường ống để chạy máy phát điện.

¹⁰ Coi như nhau, ngang nhau, không phân biệt mức độ hơn kém, cao thấp (cái lẽ ra phải phân biệt).

2.5. Quy định về trách nhiệm báo cáo và kiểm tra

Hệ thống báo cáo và kiểm tra là công cụ pháp lý cốt lõi để Nhà nước giám sát toàn diện nghĩa vụ quản lý, vận hành của chủ đầu tư. Hành lang pháp lý này hiện được quy định qua Điều 77 Luật Điện lực năm 2024, Luật Thủy lợi năm 2017 và Nghị định hướng dẫn.

Về chế độ báo cáo kỹ thuật, chủ đầu tư không còn đơn thuần là đơn vị phát điện. Thay vào đó, pháp luật bắt buộc chủ thể này phải vận hành chuyên nghiệp nhằm duy trì sự ổn định về tần số, điện áp và an toàn lưới điện. Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP đã chuẩn hóa hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật nghiêm ngặt về thiết kế, bảo trì, quan trắc và kiểm định hồ đập. Đồng thời, văn bản này định hình khuôn khổ hậu kiểm bắt buộc theo chu kỳ 5 năm. Chủ đầu tư có nghĩa vụ phải tự rà soát, đánh giá kết quả thực hiện quy trình vận hành, sau đó gửi báo cáo về Sở Công Thương cùng cơ quan phê duyệt công trình.

Về chế độ báo cáo an toàn và môi trường, Điểm b Khoản 4 Điều 32 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP quy định chủ đầu tư phải liên tục theo dõi tình trạng an toàn công trình, phân tích dữ liệu kỹ thuật để báo cáo định kỳ cho cơ quan quản lý. Đặc biệt, Điểm d Khoản 3 Điều 32 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP này *cũng* đã siết chặt quy trình công bố thông tin xả lũ. Quy định bắt buộc phải làm rõ khoảng thời gian tối thiểu thông báo trước khi mở cửa xả, tín hiệu cảnh báo và trách nhiệm truyền tin của từng cá nhân. Khung pháp lý này khẳng định quyền khai thác tài nguyên nước của doanh nghiệp không bao giờ được đặt cao hơn quyền an toàn tính mạng, tài sản của người dân và quyền được bảo vệ môi trường sinh thái của vùng hạ du.

Quy định pháp luật đã tạo lập được một nền tảng trách nhiệm khá toàn diện. Nội dung giám sát trải dài từ khâu vận hành an toàn đập, điều tiết nước đến việc bảo vệ môi trường sinh thái hạ du thông qua kiểm tra việc duy trì dòng chảy tối thiểu và nộp phí dịch vụ môi trường. Trách nhiệm này được hiện thực hóa bằng chuyển đổi số toàn diện trong quản lý, vận hành thủy điện. Sự chuyển dịch sang cơ chế kiểm soát dựa trên dữ liệu công nghệ số đã tạo bước ngoặt lớn trong việc minh bạch hóa trách nhiệm môi trường của doanh nghiệp. Việc tự động hóa quy trình truyền dữ liệu giám sát không chỉ xóa bỏ tình trạng nghẽn thông tin, mà còn cung cấp thước đo định lượng chính xác theo thời gian thực để cơ quan quản lý kiểm tra việc duy trì dòng chảy tối thiểu nghiêm ngặt dưới hạ du. Đây chính là nền tảng kỹ thuật pháp lý cốt lõi để chuyển phương thức quản lý từ ứng phó thụ động sang chủ động kiểm soát rủi ro sinh thái. Pháp luật cũng thiết lập hệ thống chế tài nghiêm khắc. Trong trường hợp vận hành sai quy trình gây thiệt hại, chủ đầu tư phải đối diện với trách nhiệm hành chính, dân sự bồi thường và thậm chí là truy cứu trách nhiệm hình sự.

Dẫu vậy, việc thiết lập được một hệ thống báo cáo dựa trên nền tảng công nghệ số hóa mới chỉ là điều kiện cần chứ chưa phải là điều kiện đủ để bảo đảm tính tối thượng của pháp luật. Khi đi sâu vào cơ chế vận hành thực tế, sự thiếu đồng bộ trong khâu kết nối dữ liệu cùng với tâm lý thực hiện mang tính đối phó của các chủ thể khai thác đã vô tình biến các nghĩa vụ hậu kiểm này trở thành những cơ chế kiểm soát chưa chặt chẽ, được thể hiện rõ qua các điểm bất cập sau:

Thứ nhất, sự phân tán và chồng chéo mang tính hệ thống. Các quy định về chế độ báo cáo, kiểm tra hiện nay vẫn nằm rải rác tại nhiều văn bản luật khác nhau (Luật Điện lực năm 2024, Luật Thủy lợi năm 2017, Luật Tài nguyên nước năm 2023). Sự thiếu tập trung này gây ra những lúng túng nhất định cho doanh nghiệp trong việc áp dụng thống nhất.

Thứ hai, tính hình thức trong thực thi và lỗ hổng giám sát. Trên thực tế, hoạt động báo cáo của nhiều chủ đầu tư thủy điện vừa và nhỏ. Qua công tác thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng tại khu vực miền Trung, hoạt động báo cáo của nhiều chủ đầu tư thủy điện vừa và nhỏ vẫn bộc lộ tính hình thức. Nội dung “bảo vệ môi trường hạ du” trong các biên bản kiểm tra định kỳ hiện nay chưa được lượng hóa bằng các chỉ số kỹ thuật cụ thể, chủ yếu mới chỉ dừng lại ở việc đánh giá an toàn kỹ thuật hồ đập theo cảm quan. Thực trạng này dẫn đến việc thiếu sót trong công tác giám sát các tác động dài hạn đối với hệ sinh thái, cụ thể là tình trạng suy thoái đa dạng sinh học thủy sinh hoặc sạt lở bờ sông do quy trình tích xả nước bất thường gây ra... Do đó, hành lang pháp lý hiện tại vẫn thiếu một cơ chế độc lập để kiểm chứng tính xác thực của các báo cáo do chủ đầu tư tự lập, làm giảm đi đáng kể trách nhiệm giải trình minh bạch hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Thực trạng này đã được chỉ rõ trong các báo cáo kết quả thanh tra chuyên đề của Bộ Nông nghiệp và Môi trường cũng như Báo cáo giám sát định kỳ của Sở Nông nghiệp và Môi trường các thành phố Huế, thành phố Đà Nẵng về tình hình chấp hành pháp luật môi trường của các dòng thủy điện vừa và nhỏ.

Nhìn chung, chế độ báo cáo và kiểm tra dù đã có sự nâng cấp mạnh mẽ về mặt công nghệ và số hóa, song vẫn chưa thể phát huy tối đa vai trò quản trị nhà nước do tính phân tán của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. Tâm lý thực thi mang tính đối phó của doanh nghiệp, cộng với việc thiếu hụt một cơ chế kiểm chứng dữ liệu độc lập và các nội dung đánh giá môi trường hạ du chưa được quy định, đã khiến công tác hậu kiểm rơi vào tình trạng hình thức hóa. Việc định hình lại một thiết chế giám sát minh bạch, thống nhất và gắn liền với chế tài tài phán nghiêm khắc tại mục này sẽ là chìa khóa quyết định để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với toàn bộ chu trình vận hành thủy điện.

3. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm của chủ đầu tư dự án trong quản lý, vận hành thủy điện vừa và nhỏ

Từ thực tiễn áp dụng pháp luật cho thấy mặc dù hệ thống quy định về quản lý, vận hành thủy điện vừa và nhỏ đã từng bước được hoàn thiện, song vẫn còn tồn tại khoảng cách đáng kể giữa quy định pháp luật và hiệu quả thực thi trên thực tế. Các hạn chế chủ yếu tập trung ở việc chưa tuân thủ đầy đủ quy trình vận hành hồ chứa, chưa bảo đảm yêu cầu về quan trắc, cảnh báo, thực hiện nghĩa vụ môi trường còn mang tính hình thức và cơ chế báo cáo, kiểm tra chưa phát huy hiệu quả kiểm soát. Điều này đặt ra yêu cầu cần tiếp tục hoàn thiện pháp luật theo hướng tăng cường tính ràng buộc trách nhiệm của chủ đầu tư, nâng cao hiệu quả giám sát và bảo đảm thực thi pháp luật trong lĩnh vực thủy điện vừa và nhỏ.

Thứ nhất, hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm vận hành hồ chứa theo hướng bảo đảm tính thống nhất và linh hoạt trong quản lý, vận hành công trình. Theo đó, cần nghiên cứu hoàn

thiện các quy định theo hướng xác lập nguyên tắc ưu tiên trong quy trình vận hành hồ chứa và quy trình vận hành liên hồ chứa khi xuất hiện xung đột giữa các mục tiêu phát điện, bảo đảm nguồn nước và phòng, chống thiên tai. Trong đó, bảo vệ tính mạng con người, an toàn công trình và giảm thiểu thiệt hại cho vùng hạ du phải được xem là ưu tiên hàng đầu. Bên cạnh đó, pháp luật cần quy định rõ phạm vi quyền chủ động và trách nhiệm pháp lý của chủ đầu tư trong các tình huống khẩn cấp, đồng thời xây dựng cơ chế rà soát, cập nhật định kỳ quy trình vận hành trên cơ sở các dữ liệu khí tượng thủy văn mới và các kịch bản biến đổi khí hậu. Việc hoàn thiện theo hướng này sẽ góp phần nâng cao khả năng thích ứng của hoạt động vận hành hồ chứa trước những biến động ngày càng phức tạp của điều kiện tự nhiên, đồng thời tạo cơ sở pháp lý rõ ràng hơn để xác định trách nhiệm của chủ đầu tư trong quá trình thực hiện.

Thứ hai, hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm bảo đảm an toàn công trình theo hướng cụ thể hóa nghĩa vụ pháp lý, tăng cường trách nhiệm phòng ngừa rủi ro và hoàn thiện cơ chế bảo đảm thực hiện trách nhiệm. Cụ thể, cần tiếp tục cụ thể hóa các nghĩa vụ pháp lý của chủ đầu tư trong hoạt động kiểm tra, bảo trì, đánh giá hiện trạng công trình và xử lý các nguy cơ mất an toàn. Đồng thời, pháp luật cần được hoàn thiện theo hướng phân hóa trách nhiệm phù hợp với đặc điểm của các công trình thủy điện vừa và nhỏ trên cơ sở quy mô công trình, mức độ rủi ro và phạm vi ảnh hưởng đối với khu vực hạ du. Ngoài ra, cần bổ sung các quy định về trách nhiệm của chủ đầu tư trong việc thường xuyên nhận diện, đánh giá và cập nhật rủi ro trong suốt quá trình vận hành công trình, cũng như trách nhiệm cung cấp, chia sẻ thông tin và phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan nhằm bảo đảm an toàn công trình, ứng phó sự cố, hạn chế thiệt hại cho khu vực hạ du. Kèm theo đó, cần hoàn thiện các quy định về giám sát, giải trình định kỳ về mức độ an toàn công trình trước cơ quan có thẩm quyền và xử lý vi phạm theo hướng bảo đảm tính tương xứng giữa hành vi vi phạm với hậu quả có thể gây ra. Đây là cơ sở quan trọng để nâng cao tính chủ động trong phòng ngừa rủi ro, đồng thời bảo đảm sự phù hợp của pháp luật với yêu cầu quản trị công trình hiện đại.

Thứ ba, hoàn thiện các quy định pháp luật về trách nhiệm quan trắc, cảnh báo theo hướng chuẩn hóa hệ thống cảnh báo vùng hạ du. Theo đó, cần xây dựng bộ tiêu chuẩn pháp lý thống nhất đối với hệ thống cảnh báo tại các công trình thủy điện vừa và nhỏ, đồng thời quy định rõ trách nhiệm của chủ đầu tư trong việc duy trì, kiểm định và bảo đảm hiệu quả hoạt động của các thiết bị cảnh báo trong suốt quá trình vận hành công trình. Bên cạnh đó, cần thiết lập cơ chế đánh giá định kỳ mức độ đáp ứng của hệ thống cảnh báo đối với yêu cầu bảo đảm an toàn cho cộng đồng dân cư vùng hạ du, làm cơ sở cho hoạt động thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm. Việc hoàn thiện theo định hướng này sẽ góp phần nâng cao hiệu quả cảnh báo sớm, bảo đảm an toàn cho người dân và nâng cao hiệu lực thực thi pháp luật trong quản lý, vận hành thủy điện vừa và nhỏ. Đồng thời, cần quy định cụ thể các yêu cầu kỹ thuật tối thiểu về phạm vi bao phủ, mật độ bố trí và khả năng vận hành liên tục của hệ thống cảnh báo nhằm bảo đảm thông tin khẩn cấp được truyền tải đầy đủ đến khu vực chịu ảnh hưởng.

Thứ tư, cần sửa đổi quy định về dòng chảy tối thiểu sát với thực tế và phạt nặng nếu có các hành vi vi phạm. Theo đó, luật cần bỏ cách tính trung bình cào bằng hiện nay bắt buộc phải có cách tính riêng cho đoạn sông bị cạn nằm giữa đập và nhà máy của thủy điện lòng chảo, đồng thời tăng lượng nước xả bắt buộc vào mùa khô ở miền Trung. Bên cạnh đó, pháp luật phải buộc chủ thủy điện lắp máy đo tự động gửi số liệu liên tục về cơ quan quản lý, nếu chủ doanh nghiệp tự ý tắt máy hoặc làm giả số liệu thì sẽ bị tịch thu giấy phép hoạt động ngay lập tức. Việc sửa đổi này giúp quy định không còn là hình thức và bảo vệ được nguồn nước cho vùng hạ du. Ngoài ra quy định rõ cách bắt đền thiệt hại thiên nhiên và buộc chủ thủy điện phải tự chứng minh mình vô tội. Cụ thể, luật cần chia rõ hai loại: thiệt hại tài sản của dân và thiệt hại của thiên nhiên như mất nước ngầm, chết rừng phòng hộ để làm căn cứ đòi tiền đền bù chuẩn xác. Đặc biệt, luật phải quy định: khi hạ du bị cạn kiệt hay suy thoái, chủ thủy điện đương nhiên phải đền tiền, trừ khi họ đưa ra được bằng chứng khoa học chứng minh mình không có lỗi. Ngoài ra, cần buộc doanh nghiệp phải mua bảo hiểm môi trường trước khi hoạt động để có sẵn nguồn tiền khắc phục sự cố, không để doanh nghiệp trốn trách nhiệm rồi bắt nhà nước và người dân gánh hậu quả.

Thứ năm, cần hoàn thiện hệ thống quy phạm về chế độ báo cáo theo hướng tập trung, thống nhất và số hóa đồng bộ. Theo đó, cần thống nhất quy định báo cáo đang nằm rải rác ở Luật Điện lực, Luật Thủy lợi, Luật Tài nguyên nước vào một văn bản hướng dẫn chung duy nhất dành riêng cho thủy điện vừa và nhỏ. Văn bản này cần quy định rõ một đầu mối tiếp nhận báo cáo chung, đồng thời luật hóa việc liên thông dữ liệu tự động giữa các bộ ngành. Việc này sẽ giúp xóa bỏ sự chồng chéo, giúp doanh nghiệp dễ áp dụng và tạo cơ sở dữ liệu đồng nhất để cơ quan nhà nước kiểm tra dễ dàng. Ngoài ra, cần sửa đổi quy định kiểm tra theo hướng đưa ra các tiêu chuẩn đo lường cụ thể và thuê đơn vị ngoài để đối chiếu số liệu. Cụ thể, pháp luật cần bổ sung quy định bắt buộc các biên bản kiểm tra định kỳ phải có các số liệu đo đạc rõ ràng về tình trạng của vùng hạ du như mức độ sạt lở bờ sông, lượng thủy sản suy giảm thay vì chỉ nhìn bằng mắt và đánh giá chung chung như hiện nay. Đồng thời, luật cần quy định cơ chế thuê các tổ chức chuyên môn bên ngoài để kiểm tra lại tính chính xác của các báo cáo do chủ thủy điện tự lập, đi kèm hình thức phạt tiền rất nặng hoặc đóng cửa nhà máy nếu phát hiện gian lận số liệu.

Như vậy, việc hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm của chủ đầu tư dự án trong quản lý, vận hành thủy điện vừa và nhỏ hiện nay cần được thực hiện theo hướng đồng bộ, cụ thể và tăng cường hiệu quả thực thi. Các giải pháp về hoàn thiện quy định vận hành hồ chứa, bảo đảm an toàn công trình, quan trắc và cảnh báo, bảo vệ dòng chảy tối thiểu, bồi thường thiệt hại, chế độ báo cáo và cơ chế kiểm tra, giám sát sẽ góp phần khắc phục những bất cập của pháp luật hiện hành, nâng cao trách nhiệm của chủ đầu tư và bảo đảm hài hòa giữa mục tiêu phát triển năng lượng với yêu cầu bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và phát triển bền vững.

4. Kết luận

Trước yêu cầu bảo đảm an toàn công trình, bảo vệ môi trường và thích ứng với những tác động ngày càng phức tạp của biến đổi khí hậu, việc hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm của chủ đầu tư dự án trong quản lý, vận hành thủy điện vừa và nhỏ là yêu cầu có ý nghĩa cấp thiết. Mặc dù hệ thống pháp luật hiện hành đã từng bước quy định tương đối đầy đủ trách nhiệm của chủ đầu tư trong quản lý, vận hành công trình, song quá trình thực thi vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế, làm ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý nhà nước cũng như quyền, lợi ích hợp pháp của cộng đồng dân cư vùng hạ du.

Trên cơ sở phân tích những bất cập của pháp luật hiện hành, bài viết đã đề xuất các định hướng hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm của chủ đầu tư theo hướng phù hợp hơn với yêu cầu quản lý, vận hành thủy điện trong bối cảnh hiện nay. Các kiến nghị này không chỉ góp phần hoàn thiện cơ sở pháp lý về trách nhiệm của chủ đầu tư mà còn tạo tiền đề nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật cường tính minh bạch trong xác định trách nhiệm của chủ đầu tư và tạo cơ sở pháp lý cho việc nâng cao hiệu quả quản lý, vận hành các công trình thủy điện vừa và nhỏ.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội (2017). Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. Hà Nội.
2. Quốc hội (2024). Luật Điện lực số 61/2024/QH15 ngày 30/11/2024. Hà Nội.
3. Chính phủ (2018). Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước. Hà Nội.
4. Chính phủ (2025). Nghị định số 62/2025/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực. Hà Nội.
5. Bộ Công Thương (2019). Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08/7/2019 quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện. Hà Nội.
6. Cục Quản lý tài nguyên nước (2025). “*Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố giá trị dòng chảy tối thiểu ở hạ lưu các đập, hồ chứa của các công trình thủy lợi, thủy điện*”, truy cập tại <https://dwrn.mae.gov.vn/Pages/chi-tiet-tin-tuc.aspx?ItemID=15129>, truy cập ngày 28/6/2026.
7. Đỗ Văn Chính (2021). *Tác động đến môi trường và xã hội của các dự án thủy điện ở Việt Nam*. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi, truy cập tại <https://vawr.org.vn/Upload/BaibaoKH/do-van-chinh-64-2021.pdf>, truy cập ngày 28/6/2026.
8. Thy Thảo (2026). *Nhu cầu sử dụng điện tăng vọt, hệ thống điện xác lập kỷ lục vận hành mới*. Tạp chí Công Thương, truy cập tại <https://tapchicongthuong.vn/nuhu-cau-su-dung-tang-vot--he-thong-dien-xac-lap-ky-luc-van-hanh-moi-528696.htm>, truy cập ngày 28/6/2026.